

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM BẰNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG Ở NÔNG THÔN

ACCELERATING ECONOMIC GROWTH AND REALIZING SOCIAL JUSTICE IN VIETNAM VIA THE DEVELOPMENT OF RURAL INFRASTRUCTURE

Võ Xuân Tiến

Đại học Đà Nẵng; Email: vxtien01@yahoo.com.vn.

Tóm tắt - Các quốc gia trên thế giới dù điều kiện hoàn cảnh có khác nhau, đều có cùng một mong muốn là tìm cách thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Trong một hoàn cảnh nào đó, giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội có những mâu thuẫn nhất định. Thông thường, để đạt mục tiêu này, cần đánh đổi sự hy sinh ở mục tiêu khác. Nhưng điều đó không có nghĩa, không có những giải pháp để cùng một lúc thực hiện hai mục tiêu nói trên. Ở Việt Nam, theo chúng tôi, phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn đó chính là giải pháp vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Vậy, thế nào là kết cấu hạ tầng ở nông thôn? Kết cấu này ở nông thôn Việt Nam hiện nay như thế nào? đâu là thành công, đâu là vấn đề đặt ra? Làm thế nào để có được kết cấu hạ tầng nông thôn bền vững, hiệu quả? Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin nêu một số ý kiến về vấn đề đó.

Từ khóa - cơ sở hạ tầng; kết cấu hạ tầng; kết cấu hạ tầng nông thôn; phát triển kết cấu hạ tầng; phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn.

1. Đặt vấn đề

Các quốc gia trên thế giới dù điều kiện hoàn cảnh có khác nhau, đều có cùng một mong muốn là tìm cách thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế - tăng sản lượng thực tế của một nền kinh tế theo thời gian. Sự tăng trưởng này được đo lường bằng sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), hoặc tăng thu nhập theo đầu người.

Một xu hướng chung khác mà các nước cũng đang vươn tới, đang cố gắng từng bước thực hiện - tạo nên một sự công bằng xã hội.

Sự công bằng, có thể hiểu: cần đối xử như nhau đối với những người như nhau (công bằng ngang). Hoặc, cần đối xử khác nhau đối với những người khác nhau (công bằng dọc).

Lịch sử phát triển các nước trên thế giới cho thấy, khó có thể cùng một lúc đạt được cả hai mục tiêu nói trên. Có nước vì quá chú trọng vấn đề công bằng xã hội nên nền kinh tế chậm phát triển, trì trệ. Ngược lại, có nước quá chú trọng tăng trưởng kinh tế, ít chú ý tới công bằng xã hội, do đó làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, xã hội phát triển trong điều kiện thiếu ổn định, không bền vững.

Ở Việt Nam, trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế, tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của từng thời kỳ mà đặt mạnh trọng tâm vào mục tiêu này hay khác, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội đã đề ra.

Trong một hoàn cảnh nào đó, giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội có những mâu thuẫn nhất định. Thông thường, để đạt mục tiêu này, cần đánh đổi sự hy sinh ở mục tiêu khác. Nhưng điều đó không có nghĩa,

Abstract - Nations in the world, irrespective of their context differences, are all aimed at seeking ways to accelerate their economic growth and to gradually realize social justice.

In some circumstances, there are certain contradictions between economic growth and social justice. Namorally, one goal can be achieved at the expense of the other. However, this does not mean that there is no way to reach the two above-mentioned goals at the same time. In our opinion, it is the development of the rural infrastructure that contributes to both the acceleration of economic growth and the realization of social justice in Vietnam.

Hence, what is the infrastructure in the countryside? What is the status quo of this structure in the Vietnamese countryside - its strong points and weak points? Moreover, how can we obtain an effective and sustainable rural infrastructure? This paper is to present our opinions on these issues.

Key words - infrastructure; infrastructure composition; rural infrastructure composition; developing infrastructure composition; developing rural infrastructure composition.

không có những giải pháp để cùng một lúc thực hiện hai mục tiêu nói trên. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin nêu một giải pháp như vậy.

Phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn - một giải pháp vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam.

2. Kết cấu hạ tầng với phát triển kinh tế và công bằng xã hội

Kết cấu hạ tầng ở đây gồm cả cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, đó là tổng hợp các yếu tố và điều kiện vật chất có quan hệ chặt chẽ với nhau được tạo lập và tồn tại ở mỗi địa phương, địa bàn để phục vụ cho các quá trình sản xuất và đời sống xã hội của người dân. Đây là nền tảng và điều kiện chung của sản xuất và đời sống. Cấu thành kết cấu hạ tầng gồm nhiều bộ phận khác nhau, có quan hệ chặt chẽ và thường có các thành tố sau:

- Hệ thống đường sá, cầu cống, bến bãi,... (cơ sở hạ tầng giao thông).
- Hệ thống cung cấp nước sạch, nước tưới tiêu.
- Các công trình phục vụ thông tin liên lạc, bưu điện, viễn thông.
- Hệ thống truyền tải và phân phối điện.
- Các cơ sở phục vụ giáo dục đào tạo, nghiên cứu triển khai, ứng dụng.
- Các cơ sở phục vụ cho y tế, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao....

Các thành tố trên có vai trò khác nhau trong sản xuất và đời sống.

Trong điều kiện của nông thôn Việt Nam hiện nay,

việc xây dựng kết cấu hạ tầng với các nội dung như trên có vai trò hết sức quan trọng, thậm chí quyết định đối với sự phát triển mọi mặt của nông thôn. Kết cấu đó là cơ sở cho sự phát triển kinh tế vững chắc và ổn định, đem lại sự thay đổi cơ bản về sản xuất và đời sống trong nông thôn. Vì vậy, theo chúng tôi, nó vừa là điều kiện, giải pháp cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh, vừa là cơ sở cho sự giải quyết vấn đề công bằng xã hội (công bằng giữa thành thị với nông thôn, giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa người giàu với người nghèo).

Thực tế của các địa phương vừa qua cho thấy, nơi nào, địa phương nào chú ý nhiều đến việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, thì nơi đó có điều kiện để phát triển nhanh nền kinh tế của mình, vừa cho phép giải quyết được nhiều vấn đề xã hội, cho phép gắn nông nghiệp với công nghiệp, thành thị với nông thôn, tạo điều kiện cho nông thôn có thể nhanh chóng có được cuộc sống, phong cách sống như thành thị.

Chính hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn đã tạo điều kiện để việc giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng nông thôn với nhau, giữa nông thôn và thành thị nhờ đó có thể rút ngắn được khoảng cách về thu nhập, điều kiện ăn ở, đi lại, sinh hoạt học hành, y tế và các nhu cầu về văn hóa xã hội khác. Việc hưởng thụ các dịch vụ công, các sản phẩm văn hóa, đời sống tinh thần của nông dân, việc học hành của con em họ cũng sẽ thuận lợi hơn nếu hệ thống cơ sở hạ tầng được chú ý phát triển. Nói cách khác, khi điều kiện để hưởng thụ của nông dân, nông thôn đã tăng, sẽ tạo điều kiện để thiết lập sự công bằng trong xã hội.

Điều đáng nói thêm, công bằng xã hội không chỉ là toàn bộ những gì mà người dân đã, đang và sẽ được hưởng thụ từ sự tăng trưởng kinh tế tương ứng với sự đóng góp của họ, mà còn là quyền và những cơ hội cho họ được tham gia đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế. Nói cách khác, là tạo cho họ có một môi trường thuận lợi để được tham gia đóng góp phần mình cho xã hội, cũng như được hưởng một thành quả tương ứng với sự đóng góp của họ do sự tăng trưởng đưa lại.

Không những vậy, ở Việt Nam yêu cầu trên với nông thôn càng quan trọng. Với trên 75% dân số sống ở nông thôn với 73% lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp thì phát triển kết cấu hạ tầng ở đây sẽ giúp phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách mức sống với thành phố; tạo sự công bằng giữa nông thôn với thành thị, giữa nông dân với công nhân và các tầng lớp khác, đây là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội nói chung. Nhận thức được điều đó, Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn. Đáng bàn, kết quả của sự xây dựng này chưa đáp ứng yêu cầu cần có và hiệu quả của nó chưa cao.

3. Thực trạng kết cấu hạ tầng nông thôn Việt Nam hiện nay

Về kết cấu hạ tầng giao thông, theo số liệu thống kê, đến 01/7/2011 cả nước đã có 8940 xã, chiếm 98,6% tổng số xã cả nước đã có đường ô tô đến trung tâm xã (tăng 2,3% so với năm 2006), trong đó đi lại được 4 mùa là 8803 xã, chiếm 97,1% (tăng 3,5% so với năm 2006);

trong đó xã có đường ô tô đến trung tâm xã đã được nhựa hóa, bê tông hóa là 7917 xã chiếm 87,3% (tăng 17,2% so với năm 2006). Một điều đáng chú ý là không chỉ đường đến trung tâm huyện, xã được chú trọng mà đường đến các thôn, bản miền núi cũng được các cấp chính quyền hết sức quan tâm đầu tư với số liệu rất ấn tượng đó là có tới 89,5% số thôn, bản có đường ô tô đến được. Điều đó góp phần thay đổi cuộc sống của người dân nơi vùng cao vốn chịu nhiều thiệt thòi về điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng cũng như văn hóa xã hội. So với năm 2005, tổng số chiều dài km đường giao thông nông thôn tăng thêm 34.811km; trong đó số km đường huyện tăng thêm 1.563km, đường xã tăng 17.414km và đường thôn xóm tăng 15.835km từ những nguồn vốn đầu tư cho giao thông nông thôn rất đa dạng được huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (chiếm khoảng 50% phần dành cho cơ sở hạ tầng giao thông của các tỉnh); vốn ODA (các chương trình hạ tầng nông thôn dựa vào cộng đồng của WB, Chương trình giảm nghèo miền trung của ADB hay Giao thông Nông thôn của Ngân hàng thế giới WB); vốn huy động của doanh nghiệp, tín dụng và của cộng đồng nhân dân. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và đầu tư, các nguồn vốn đầu tư cho giao thông nông thôn trong 10 năm qua ước tính khoảng 170.000-180.000 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước chiếm khoảng 70% tổng nguồn vốn được huy động; vốn huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp chiếm khoảng 10-15% tổng nguồn vốn, kể cả việc huy động từ đóng góp của cộng đồng dân cư để đầu tư; ngoài ra các địa phương còn huy động từ các nguồn khác như thu phí sử dụng đất, thu sở hữu kiến thiết... Chỉ tính riêng giai đoạn 2003 đến năm 2010, cả nước đã đầu tư 749 dự án đường giao thông đến trung tâm xã trên địa bàn các xã nông thôn, miền núi thuộc các vùng: Trung du và miền núi Bắc bộ; đồng bằng sông Hồng; duyên hải miền Trung; Tây nguyên; Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu long với tổng mức đầu tư các dự án đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã cả giai đoạn được các địa phương phân bổ vốn TPCP là 32.951 tỷ đồng, các địa phương cũng đã chủ động lồng ghép các nguồn vốn khác trên địa bàn để thực hiện.

Hệ thống trường học, giáo dục mầm non ở nông thôn Việt Nam tiếp tục được mở rộng và phát triển. Nếu như năm 1994, chỉ có 76,6% số xã có trường trung học cơ sở, thì đến năm 2011, tỷ lệ này đã lên tới 93,2%. Cũng đến năm 2011, số xã có trường tiểu học đạt tới 99,5%. Cùng với sự phát triển của hệ thống trường học tại cấp xã, các cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo đã phát triển và mở rộng đến cấp thôn. Đến nay, đã có 45,5% số thôn có lớp mẫu giáo, 15,6% số thôn có nhà trẻ.

Hệ thống mạng lưới thông tin, văn hoá, thể thao nông thôn Việt Nam cũng có sự phát triển mạnh mẽ, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đến năm 2011, đã có 81,5% số xã có hệ thống loa truyền thanh đến thôn; 38,7% số xã có nhà văn hoá xã; 48% số xã có sân thể thao xã. Cùng với việc xây dựng các nhà văn hoá xã, hệ thống nhà văn hoá thôn, khu thể thao thôn đã hình thành và phát triển nhanh. Đến năm 2011, đã có 61,7% số thôn có nhà văn hoá; 21,9% số thôn có khu thể thao thôn.

Hệ thống y tế ở vùng nông thôn Việt Nam cũng được đặc biệt quan tâm đầu tư mở rộng và nâng cấp về chất lượng. Đến năm 2011, đã có 9.016 xã (chiếm tỷ lệ 99,39%) có trạm y tế với 7.055 xã (chiếm 77,8%) đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Để phục vụ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng nhân dân tốt hơn, hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được chú ý và mở rộng đến cấp thôn. Đến năm 2011, có 94,2% số thôn có cán bộ y tế thôn. Điểm đáng chú ý, việc mở rộng mạng lưới y tế của Nhà nước, hệ thống khám, chữa bệnh tư nhân đã hình thành và từng bước phát triển, đã góp phần quan trọng trong công tác xã hội hoá chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đến nay, cả nước có 33,2% số xã có cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn và 68,5% xã có cơ sở kinh doanh thuốc tây y. Cùng với việc mở rộng hệ thống chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, việc cung cấp nước sạch cũng có bước phát triển mới. Tính đến năm 2011, cả nước có 45,5% số xã có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Vệ sinh môi trường từng bước được cải thiện.

Tuy có sự phát triển mạnh mẽ những năm vừa qua song cơ sở hạ tầng ở nông thôn vẫn còn nhiều vấn đề, vẫn còn những tồn tại cần sớm được giải quyết. Điều đó đã làm cho mức sống của người dân ở đây có khoảng cách khá xa với người dân thành thị.

Trước hết, phải nói rằng, kết cấu hạ tầng nông thôn chưa thực sự đồng đều giữa các vùng. Vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ có bước phát triển nhanh nhất, trong khi các vùng ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên phát triển chậm hơn. Điều này là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, làm gia tăng khoảng cách về phát triển kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là khu vực miền núi phía Tây Bắc rất nghiêm trọng; khoảng cách giàu nghèo ngày càng xa hơn. Tỷ lệ đói nghèo của địa bàn này lớn. Theo số liệu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, ở Việt Nam hiện còn trên 3 triệu hộ nghèo và trên 1,6 triệu hộ cận nghèo. Bốn tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất đều tập trung ở miền núi phía Bắc, trong đó Điện Biên là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất, ở mức 50%. Các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, tỷ lệ hộ nghèo vẫn chiếm từ 40-50%.

Tiếp đến, về hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn Việt Nam vẫn còn những tồn tại, bất cập và thách thức. Cũng theo Bộ Giao thông Vận tải, hiện nay trên cả nước có trên 295-046km đường bộ, trong đó hệ thống giao thông nông thôn (đường huyện, đường xã, đường thôn) chiếm tới 85%. Nếu xét trên diện rộng, mật độ giao thông nông thôn trên cả nước còn thấp ($0,59\text{km/km}^2$); trong đó mật độ đường huyện chỉ là $0,14\text{km/km}^2$ với tỷ trọng $0,55\text{km}/1000$ dân; đường xã là $0,45\text{km/km}^2$ và $1,72\text{km}/1000$ dân. Tại khu vực nông thôn đồng bằng sông Hồng, mật độ này có cao hơn (khoảng $1,16\text{km/km}^2$) song còn xa mới đạt được tỷ lệ hợp lý (trung bình ở các nước phát triển tỷ lệ chiều dài km đường nông thôn trên diện tích khoảng $8,86\text{km/km}^2$).

Có thể nói, hệ thống đường nông thôn hiện nay chưa theo kịp với tốc độ phát triển và tiềm lực của các vùng kinh tế sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Hệ thống đường

giao thông nông thôn chưa được phủ kín và chưa có sự kết nối liên hoàn từ hệ thống đường tỉnh, đường huyện xuống nông thôn nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo. Còn 149 xã chưa có đường ô tô tới trung tâm xã, trong đó khu vực Tây Nguyên chiếm đa số, thấp hơn 7 lần so với khu vực đồng bằng.

Đối với quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, thì hầu hết các huyện của các tỉnh thành trong cả nước đều chưa có quy hoạch đồng bộ mạng lưới giao thông nên chưa xây dựng được kế hoạch lâu dài để phát triển, điều này làm cho việc đầu tư còn tự phát, chưa có tính định hướng, gây ảnh hưởng đến việc nâng cấp, cải tạo và phát triển sau này.

Bên cạnh đó cơ cấu tổ chức quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn còn nhiều bất cập, thiếu quan tâm và bố trí kinh phí quản lý, bảo trì; thiếu cán bộ chuyên môn quản lý hệ thống đường huyện trở xuống.

Về y tế, theo tài liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến nay, số xã chưa có trạm y tế của tỉnh Cao Bằng là 24,6%; Lai Châu: 17,3%; Lạng Sơn: 13,8%. Ở các tỉnh Nam Bộ, tình hình cũng diễn ra tương tự. Ví dụ, hiện nay còn khoảng 20% dân nghèo miền Tây mù chữ. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, còn 36,7% nhà ở là nhà tạm; chỉ 45,8% số hộ dùng nước sạch; 33% số hộ có hố xí hợp vệ sinh.

Qua khảo sát về mức sống của 4.800 hộ gia đình, đại diện trên phạm vi 7 vùng kinh tế chính ở nước ta thì hai vùng nghèo nhất là Khu Bốn cũ và miền núi trung du Bắc Bộ. Ở đây cơ sở hạ tầng rất yếu kém. Như: Về nhà ở, 17% các hộ gia đình sống trong các nhà tạm, cá biệt có nơi tỷ lệ này đến 21%.

Nước uống, chỉ có 58% các hộ gia đình có nước sạch.

Ánh sáng, cá biệt, có nơi còn sử dụng ánh sáng bằng đèn dầu.

Hệ thống thông tin liên lạc, còn mất cân đối giữa các vùng miền trong cả nước. Nhiều vùng nông thôn đường như hàng ngày người ta chỉ mới biết những thông tin nội bộ, chưa tiếp cận được các thông tin thế giới và trong nước về nhu cầu sản phẩm nông nghiệp. Đó cũng là lí do để nghịch lí được mùa rớt giá lập đi lập lại hàng năm.

Qua những cứ liệu trên cho thấy, đời sống của bộ phận dân cư nông thôn còn rất thấp, thua kém nhiều so với thành thị. Từ đó cho thấy, việc xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở ở nông thôn sẽ rất cần thiết không chỉ cho phát triển sản xuất mà còn cho việc nâng cao đời sống, sức khỏe của người dân, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế vừa tạo công bằng xã hội.

4. Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn Việt Nam

Để phát triển và nâng cao hiệu quả của việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn thời gian tới, theo chúng tôi:

- Trước tiên công tác quy hoạch cần đi trước một bước. Khi tiến hành quy hoạch phải tính đến yêu cầu trước mắt, vừa chú ý yêu cầu lâu dài, tránh tình trạng phá đi làm lại. Việc quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng phải nằm trong quan hệ cân đối chung với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của vùng, và phải là một thành tố của quy

hoạch tổng thể, vừa là một điều kiện, yếu tố góp phần thực hiện nhiệm vụ chung của vùng. Với các địa phương đã qui hoạch, cần rà soát cập nhật quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng của mình cho phù hợp với yêu cầu mới.

- Một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay, đó là vốn đầu tư từ Nhà nước, trong khi cần phải tăng tỷ lệ đầu tư cho phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Tuy vậy, hiện nay tổng vốn đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới chỉ đáp ứng được khoảng 55-60% yêu cầu. Do đó, để giải quyết vấn đề này, cần nhanh chóng có cơ chế khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nông thôn. Cùng với việc tăng cường đầu tư cho kết cấu hạ tầng nông thôn, cần nâng cao ý thức của người dân cũng như đào tạo các kỹ năng xác định các cơ sở hạ tầng cần thiết và kỹ năng giám sát chất lượng các dự án phát triển kết cấu hạ tầng quy mô nhỏ tại địa phương để góp phần nâng cao được hiệu quả vốn đầu tư. Đổi mới cơ chế, chính sách để huy động mạnh nguồn lực đất đai vào phát triển hạ tầng. Có chính sách phù hợp thu hồi đất để tạo vốn hỗ trợ cho xây dựng công trình hạ tầng, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án kinh doanh. Nhà nước có thể thực hiện chính sách giao đất không thu tiền đối với diện tích xây dựng cơ sở hạ tầng do nhà đầu tư trúng thầu. Hỗ trợ nhà đầu tư một phần vốn đầu tư dự án bằng tiền hoặc vật tư cũng như thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Mở rộng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm theo hướng Nhà nước đầu tư vốn, người dân đóng góp thêm vốn hoặc nhân công. Khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều đóng góp cho xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc...

- Khi xây dựng, phải đảm bảo cân đối, đồng bộ, hoàn chỉnh, thiết thực và hiệu quả.

Thực tế của việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thời gian qua ở nông thôn cho thấy, trong điều kiện khó khăn hiện nay, vẫn không ít địa phương tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông thôn, nông nghiệp không xuất phát từ yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Kết quả, nhiều nhu cầu thiết yếu cho nông dân, nông nghiệp, nông thôn chưa được quan tâm, trong khi nhiều hội trường, trang thiết bị máy móc đắt tiền được trang bị hiệu quả. Theo chúng tôi, trong những năm trước mắt, khi khả năng về vốn của chúng ta còn khó khăn, thì nên ưu tiên cho những công trình có tác dụng thiết thực đến sinh hoạt và đời sống nói chung của nông dân. Tức là phải rất chú ý đến yếu tố con người, coi nhân tố này là trung tâm chi phối toàn bộ việc trang bị và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở nông thôn. Theo ý nghĩa đó, trước hết phải rất ưu tiên cho hệ thống trường học, trạm y tế, hệ thống nước sạch, điện... trước khi ưu tiên vốn cho các nhu cầu khác.

- Khi sử dụng, nên quy định rõ trách nhiệm vật chất đối với người quản lý và sử dụng. Chế độ bảo dưỡng, tu sửa nếu được tuân thủ một cách nghiêm túc cũng sẽ góp phần làm tăng hiệu quả các công trình, cũng như cả hệ thống. Kinh nghiệm của những năm vừa qua cho thấy,

công trình nào được chú ý duy tu bảo dưỡng đúng định kỳ, hiệu quả sử dụng của nó tốt hơn nhiều và ít tốn kém so với các công trình cùng loại.

- Công tác quản lý bảo trì cơ sở hạ tầng nông thôn cần được chú trọng. Trước hết, phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo trì đường cần được thiết lập và phải có đơn vị đầu mối trong quản lý bảo trì ở nông thôn. Nhanh chóng đưa vào danh mục cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Kết luận

Phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn Việt Nam đang đặt ra nhiều yêu cầu cấp bách cần tập trung nguồn lực của cả Nhà nước và nhân dân để giải quyết. Chỉ trên cơ sở xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn mới có thể phát triển kinh tế và nhờ đó, giải quyết được hàng loạt các vướng mắc về công bằng xã hội.

Việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng này phải tính đến yêu cầu đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và bền vững trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng tại chỗ và từ nhân dân. Không những vậy, nội dung của hệ thống này phải xuất phát và bám sát các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Rất cần thiết khi xây dựng và phát triển hệ thống trên, phải theo qui hoạch chung và có sự giám sát của quần chúng địa phương.

Nội dung của hệ thống kết cấu hạ tầng gồm nhiều vấn đề, thường xuyên có quan hệ chặt chẽ với nhau, song bao giờ thì hệ thống đường sá giao thông cũng rất quan trọng và phải đi trước một bước.

Sau khi xây dựng không chỉ phải làm tốt công tác khai thác sử dụng mà còn phải chú ý duy tu bảo dưỡng. Chỉ trên cơ sở đó, mới làm tốt cả hai nhiệm vụ trên: giúp phát triển kinh tế và giải quyết công bằng xã hội.

Trên đây là một số ý kiến ngắn nêu lên sự cần thiết phải chú ý hơn nữa hệ thống cơ sở hạ tầng hiện nay ở nông thôn Việt Nam. Hy vọng rằng, trong cơ cấu đầu tư sắp tới, tỷ trọng dành cho nông thôn sẽ được quan tâm hơn, để bộ mặt nông thôn nhanh chóng tiến kịp thành thị

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Ngọc Đồng, Hạ tầng giao thông nông thôn đi trước một bước trong việc xây dựng nông thôn mới hiện đại. Báo cáo của Bộ Giao thông vận tải, năm 2013, Trang Thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, ngày 11.4.2014.
- [2] PGS.TS. Phạm Hào, *Quan điểm giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội*, Sách "Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội", NXB Chính trị Quốc gia, năm 2000.
- [3] PGS.TS. Võ Xuân Tiên, *Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn*, Sách "Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội", NXB Chính trị Quốc gia, năm 2000.
- [4] PGS.TS. Võ Xuân Tiên, *Chính sách công*, Giáo trình NXB KHXH, năm 2013.
- [5] Minh Thủy, Cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện nhờ vốn ADB, www.vietnamplus.vn/co-so-ha-tang..., ngày 10.4.2011.
- [6] Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới: "Bài toán" khó được giải, Báo điện tử Kon Tum, ngày 24.2.2014.
- [7] Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn và các vấn đề đặt ra, www.cpv.org.vn, ngày 20.4.2012.
- [8] Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn các tỉnh Miền Trung, Cổng Thông tin Chính phủ, VGP NEWS, ngày 16.8.2013.

(BBT nhận bài: 15/04/2014, phản biện xong: 23/04/2014)